TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/6/2024
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Trần Xuân Văn.**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Âu Thị Ngọc Hoa**
Ông Phạm Trung Thành.

Thư ký phiên tòa: **Ông Bùi Quốc Hiển**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Phan Công B**, sinh năm: 1967. *(có mặt).*
2. Bị đơn: **Bà Tô Thị L**, sinh năm: 1971. *(có mặt).*
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ông Phan Công B trình bày: Ông và Bà Tô Thị L do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 1987, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ cuối năm 2023 đến nay, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện hai bên đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên Ông B yêu cầu được ly hôn với Bà L.

Về con chung: có 02 con chung tên Phan Công P, sinh ngày 09/12/1988 và Phan Công N, sinh ngày 20/3/1991. Hiện các con chung đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Bà Tô Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của Ông B về việc hai bên tiến tới hôn nhân vào năm 1987 là tự nguyên nhưng không có đăng ký kết hôn. và đã có 02 con chung. Theo Bà L, mâu thuẩn hai bên chỉ cải vả qua lại. Hiện bà còn thương Ông B nên mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Không đồng ý ly hôn.

Về con chung; Tài sản chung; nợ chung: Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn Ông B giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn Bà L không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Ông Phan Công B và Bà Tô Thị L là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Ông B, Bà L thống nhất khai ông bà cưới nhau năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của ủy ban nhân dân xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thể hiện giữa Ông B, Bà L có chung sống với nhau như vợ chồng, không xác định thời gian hai người chung sống nhưng căn cứ theo giấy khai sinh của anh Phan Công Phong, sinh ngày 02/12/1988 là con chung của Ông B, Bà L thì có cơ sở xác định thời gian chung sống của 02 bên xác lập trước ngày 03/01/1987. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của chính phủ.

Tại phiên tòa, Ông B, Bà L xác định mâu thuẩn hai bên chỉ cải vả qua lại, nguyên nhân xuất phát mâu thuẩn là do ông có con riêng với người khác bên ngoài, dẫn đến Bà L bất mãn nên có lời lẽ xúc phạm ông. Tại phiên tòa, nhận thấy mình sai và cam kết sẽ khắc phục. Như vậy chứng tỏ mâu thuẩn của hai bên không đến mức trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn của của Ông B không có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình. Mặc khác nguyên nhân mâu thuẩn chính là do Ông B có mối quan hệ với người phụ nữa khác và có con riêng. Nay Ông B cho rằng không còn thương vợ và đưa ra những lý do mâu thuẩn không rõ ràng. Nếu chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông B sẽ tạo nên một tiền lệ không tốt cho xã hội.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Ông B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của chính phủ.

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu ly hôn của ông Phạm CÔng B.

2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Phan Công B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015350 ngày 14/5/20224 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Ông Phan Công B và Bà Tô Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND xã An Cư;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trần Xuân Văn